CÔNG TY CỔ PHẦN BIỂN ĐỨC

# KẾT QUẢ
# QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

## ĐƠN VỊ:

## CÔNG TY TNHH QUẢNG VIỆT TIỀN GIANG

*(Địa chỉ: Lô KI-1-2, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang)*

*Tháng 12 năm 2024*

| | |
|---|---|
| **SỞ Y TẾ TP. HCM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **BIỂN ĐỨC** | ---------- |
| --- | |
| Số: 20122429/MTLĐ | *Tp,HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2024* |

# KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Thực hiện Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIỂN ĐỨC**

**Địa chỉ:** 781/13/3A Lạc Long Quân, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

**Điện thoại:** 028.3975.6260

**Do Bà:** Lý Nguyễn Khánh Ngọc làm đại diện.

Đã tiến hành quan trắc môi trường lao động ngày ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại:

**CÔNG TY TNHH QUẢNG VIỆT TIỀN GIANG**

Lô KI-1,2, Khu Công Nghiệp Tân Hương, Xã Tân Hương, H. Châu Thành, TG

## I. PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

- Lấy mẫu bụi trong không khí: TCVN 5067 : 1995
- Theo thường qui kỹ thuật của Viện Y học lao động và Vệ Sinh môi trường 2002- Bộ Y Tế (TQKT 2002)

## II. PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH VÀ THIẾT BỊ

**1. Nhiệt độ:** (TCVN 5508:2009)(*)

- Máy đo hiện số Lutron EM 9000.

**2.Độ ẩm:** (TCVN 5508:2009)(*)

- Máy đo hiện số Lutron EM 9000.

**3. Tốc độ gió:** (TCVN 5508:2009)(*)

- Máy đo hiện số Lutron EM 9000.

**4. Ánh sáng:**(theo TQKT 2002)

- Máy đo hiện số Lutron EM 9000.

**5. Tiếng ồn:** (TCVN 7878-2:2010)(*)



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

- Máy đo hiện số EXTECH- 407732-KIT.

**6. Bụi:** (TCVN 5067:1995) (*)

- Xác định nồng độ bụi toàn phần trong không khí, bao gồm các hạt bụi có kích thước dưới 50µm. Sử dụng máy lấy mẫu bụi SKC-Quick Take 30 và giấy lọc chuyên dùng GF/A - Mỹ. Lưu lượng lấy mẫu 20lít/phút. Cân mẫu bụi bằng cân điện tử Ohaus - Mỹ. Kết quả biểu thị nồng độ bụi toàn phần mg/m$^3$.

- Máy quan trắc bụi hiện số Kanomax - Nhật

**7. Hơi khí độc:**

- $CO_2$: Máy đo bụi hiện số Extech
- $SO_2$: TCVN 5971-1995
- CO: HDNB – 01
- Đo hơi khí độc bằng ống phát hiện nhanh hãng KITAGAWA - Nhật

***Phương pháp thử các chỉ tiêu: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, bụi được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005***

## III. TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ

- QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

## IV. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG:

### 1. CÁC YẾU TỐ VẬT LÝ:

### A. CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU:

| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | NHIỆT ĐỘ ($^0$C) | | ĐỘ ẨM (%) | | TỐC ĐỘ GIÓ (m/s) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| **Lô KI-1** | | | | | | | |
| 1. | Khu vực cắt | 30,6 | | 68,5 | | 0,2-0,7 | |
| 2. | Kho lông vũ | 30,5 | | 68,9 | | 0,2-0,4 | |
| 3. | Kho thành phẩm | 30,6 | | 67,2 | | 0,2-0,5 | |
| 4. | Kho nguyên phụ liệu | 30,2 | | 69,1 | | 0,2-0,6 | |
| 5. | Kho bao bì | 30,1 | | 69,5 | | 0,2-0,7 | |
| 6. | Khu vực thêu | 30,9 | | 67,7 | | 0,2-0,6 | |
| 7. | Khu vực đầu xưởng 1 | 30,0 | | 69,3 | | 0,2-0,7 | |
| 8. | Khu vực giữa xưởng 1 | 30,3 | | 68,5 | | 0,2-0,8 | |
| 9. | Khu vực cuối xưởng 1 | 30,5 | | 67,2 | | 0,3-0,9 | |
| 10. | Khu vực ép nhãn 1 | 30,5 | | 67,8 | | 0,3-0,5 | |
| 11. | Khu vực đầu xưởng 2 | 30,4 | | 68,4 | | 0,2-0,7 | |
| 12. | Khu vực giữa xưởng 2 | 31,0 | | 69,4 | | 0,3-0,7 | |
| 13. | Khu vực cuối xưởng 2 | 30,7 | | 68,8 | | 0,2-0,6 | |
| 14. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 2 | 30,2 | | 67,1 | | 0,3-0,8 | |
| 15. | Khu vực đầu xưởng 3 | 30,3 | | 67,8 | | 0,3-0,4 | |
| 16. | Khu vực giữa xưởng 3 | 31,8 | | 68,9 | | 0,2-0,5 | |
| 17. | Khu vực cuối xưởng 3 | 30,1 | | 69,5 | | 0,2-0,6 | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | NHIỆT ĐỘ ($^0$C) | | ĐỘ ẨM (%) | | TỐC ĐỘ GIÓ (m/s) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| 18. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 3 | 30,4 | | 67,5 | | 0,2-0,7 | |
| 19. | Khu vực phòng cắt lazer | 30,5 | | 68,9 | | 0,2-0,4 | |
| 20. | Khu vực phòng cắt rập | 30,6 | | 67,2 | | 0,2-0,5 | |
| 21. | Khu vực bàn kiểm phẩm (QC) | 30,2 | | 69,1 | | 0,2-0,6 | |
| 22. | Văn phòng 1 | 29,1 | | 68,5 | | 0,2-0,7 | |
| 23. | Văn phòng 2 | 29,3 | | 69,7 | | 0,2-0,6 | |
| **Lô KI-2** | | | | | | | |
| 24. | Khu vực cắt xưởng 5 | 30,8 | | 69,3 | | 0,2-0,7 | |
| 25. | Kho nguyên phụ liệu xưởng 5 | 30,3 | | 68,5 | | 0,2-0,8 | |
| 26. | Kho bao bì xưởng 5 | 30,5 | | 68,2 | | 0,3-0,9 | |
| 27. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 5 | 31,2 | | 67,8 | | 0,3-0,5 | |
| 28. | Khu vực thêu xưởng 5 | 31,4 | | 69,4 | | 0,2-0,7 | |
| 29. | Khu vực may mẫu xưởng 5 | 30,3 | | 67,9 | | 0,3-0,9 | |
| 30. | Khu vực từ chuyền EE01 đến chuyền EE13 xưởng 5 | 30,6 | | 67,4 | | 0,3-0,7 | |
| 31. | Khu vực từ chuyền EE14 đến chuyền EE27 xưởng 5 | 31,3 | | 68,8 | | 0,2-0,6 | |
| 32. | Khu vực may băng chuyền (từ chuyền EE30 đến chuyền EE41) xưởng 5 | 30,2 | | 68,1 | | 0,3-0,8 | |
| 33. | Khu vực từ chuyền EE28 đến chuyền EE46 xưởng 5 | 30,7 | | 69,4 | | 0,3-0,9 | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | NHIỆT ĐỘ ($^0$C) | | ĐỘ ẨM (%) | | TỐC ĐỘ GIÓ (m/s) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| **Khu vực lò hơi** | | | | | | | |
| 34. | Đầu khu vực lò hơi | 31,2 | | 67,6 | | 0,3-0,7 | |
| 35. | Giữa khu vực lò hơi | 31,9 | | 68,1 | | 0,4-0,6 | |
| 36. | Cuối khu vực lò hơi | 31,5 | | 69,2 | | 0,3-0,8 | |
| **Tổng số** | | **36** | **00** | **36** | **00** | **36** | **00** |
| **QCVN 26:2016/BYT** | | **18-32** | | **40-80** | | **0,2 – 1,5** | |

**B. ÁNH SÁNG (Lux) VÀ TIẾNG ỒN (dBA):**

| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | ÁNH SÁNG (Lux) | | TIẾNG ỒN (dBA) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| **Lô KI-1** | | | | | |
| 1. | Khu vực cắt | 814 | | 76,5 | |
| 2. | Kho lông vũ | 236 | | 72,1 | |
| 3. | Kho thành phẩm | 287 | | 71,4 | |
| 4. | Kho nguyên phụ liệu | 264 | | 70,5 | |
| 5. | Kho bao bì | 364 | | 70,2 | |
| 6. | Khu vực thêu | 589 | | 79,5 | |
| 7. | Khu vực đầu xưởng 1 | 891 | | 77,5 | |
| 8. | Khu vực giữa xưởng 1 | 825 | | 77,5 | |
| 9. | Khu vực cuối xưởng 1 | 793 | | 76,9 | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 0919494539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com
CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn
CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | ÁNH SÁNG (Lux) | | TIẾNG ỒN (dBA) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| 10. | Khu vực ép nhãn 1 | 764 | | 77,5 | |
| 11. | Khu vực đầu xưởng 2 | 817 | | 78,7 | |
| 12. | Khu vực giữa xưởng 2 | 832 | | 76,1 | |
| 13. | Khu vực cuối xưởng 2 | 912 | | 75,3 | |
| 14. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 2 | 574 | | 72,7 | |
| 15. | Khu vực đầu xưởng 3 | 805 | | 76,6 | |
| 16. | Khu vực giữa xưởng 3 | 792 | | 79,8 | |
| 17. | Khu vực cuối xưởng 3 | 884 | | 77,6 | |
| 18. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 3 | 623 | | 73,5 | |
| 19. | Khu vực phòng cắt lazer | 536 | | 72,1 | |
| 20. | Khu vực phòng cắt rập meka | 687 | | 73,4 | |
| 21. | Khu vực bàn kiểm phẩm QC | 1464 | | 74,5 | |
| 22. | Văn phòng 1 | 564 | | 67,2 | |
| 23. | Văn phòng 2 | 689 | | 65,5 | |
| **Lô KI-2** | | | | | |
| 24. | Khu vực cắt xưởng 5 | 891 | | 75,5 | |
| 25. | Kho nguyên phụ liệu xưởng 5 | 225 | | 70,4 | |
| 26. | Kho bao bì xưởng 5 | 354 | | 70,9 | |
| 27. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 5 | 564 | | 73,5 | |
| 28. | Khu vực thêu xưởng 5 | 617 | | 79,7 | |
| 29. | Khu vực may mẫu xưởng 5 | 1032 | | 76,1 | |
| 30. | Khu vực từ chuyền EE01 đến | 712 | | 78,3 | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | ÁNH SÁNG (Lux) | | TIẾNG ỒN (dBA) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| | chuyền EE13 xưởng 5 | | | | |
| 31. | Khu vực từ chuyền EE14 đến chuyền EE27 xưởng 5 | 823 | | 78,7 | |
| 32. | Khu vực may băng chuyền (từ chuyền EE30 đến chuyền EE41) xưởng 5 | 781 | | 77,1 | |
| 33. | Khu vực từ chuyền EE28 đến chuyền EE46 xưởng 5 | 964 | | 79,2 | |
| **Khu vực lò hơi** | | | | | |
| 34. | Đầu khu vực lò hơi | ASTN | | 80,9 | |
| 35. | Giữa khu vực lò hơi | ASTN | | 82,5 | |
| 36. | Cuối khu vực lò hơi | ASTN | | 80,4 | |
| Tổng số | | **36** | **00** | **36** | **00** |
| **QCVN 22:2016/BYT**<br>- May<br>- OTK<br>- Là, Cắt<br>- Văn phòng<br>- Nhà kho | | **≥ 750**<br>**≥ 1000**<br>**≥ 300**<br>**≥ 300**<br>**≥ 100** | | | |
| **QCVN 24:2016/BYT**<br>- Vị trí làm việc trực tiếp (8h/ngày)<br>- Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, kế hoạch, văn phòng | | -- | | **≤ 85**<br>**≤ 65** | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lac Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 0919949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

## 2. NỒNG ĐỘ BỤI

| STT | VỊ TRÍ LẤY MẪU | BỤI TOÀN PHẦN (mg/m³) | | BỤI HÔ HẤP (mg/m³) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| **Lô KI-1** | | | | | |
| 1. | Khu vực cắt | 0,95 | | 0,056 | |
| 2. | Kho lông vũ | 1,34 | | 0,048 | |
| 3. | Kho thành phẩm | 0,72 | | 0,039 | |
| 4. | Kho nguyên phụ liệu | 0,79 | | 0,047 | |
| 5. | Kho bao bì | 0,68 | | 0,045 | |
| 6. | Khu vực thêu | 1,02 | | 0,043 | |
| 7. | Khu vực đầu xưởng 1 | 0,83 | | 0,051 | |
| 8. | Khu vực giữa xưởng 1 | 0,94 | | 0,057 | |
| 9. | Khu vực cuối xưởng 1 | 0,96 | | 0,069 | |
| 10. | Khu vực ép nhãn 1 | 1,02 | | 0,036 | |
| 11. | Khu vực đầu xưởng 2 | 1,17 | | 0,052 | |
| 12. | Khu vực giữa xưởng 2 | 0,80 | | 0,047 | |
| 13. | Khu vực cuối xưởng 2 | 0,92 | | 0,039 | |
| 14. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 2 | 1,17 | | 0,051 | |
| 15. | Khu vực đầu xưởng 3 | 1,01 | | 0,034 | |
| 16. | Khu vực giữa xưởng 3 | 0,89 | | 0,049 | |
| 17. | Khu vực cuối xưởng 3 | 0,94 | | 0,053 | |
| 18. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 3 | 1,25 | | 0,056 | |
| 19. | Khu vực phòng cắt lazer | 0,84 | | 0,048 | |
| 20. | Phòng cắt rập meka | 0,82 | | 0,039 | |
| 21. | Khu vực bàn kiểm phẩm QC | 0,79 | | 0,047 | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | VỊ TRÍ LẤY MẪU | BỤI TOÀN PHẦN (mg/m³) | | BỤI HÔ HẤP (mg/m³) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| 22. | Văn phòng 1 | 0,58 | | 0,0245 | |
| 23. | Văn phòng 2 | 0,62 | | 0,023 | |
| **Lô KI-2** | | | | | |
| 24. | Khu vực cắt xưởng 5 | 1,23 | | 0,061 | |
| 25. | Kho nguyên phụ liệu xưởng 5 | 0,84 | | 0,057 | |
| 26. | Kho bao bì xưởng 5 | 0,96 | | 0,039 | |
| 27. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 5 | 1,31 | | 0,046 | |
| 28. | Khu vực thêu xưởng 5 | 0,87 | | 0,042 | |
| 29. | Khu vực may mẫu xưởng 5 | 0,92 | | 0,032 | |
| 30. | Khu vực từ chuyền EE01 đến chuyền EE13 xưởng 5 | 1,09 | | 0,047 | |
| 31. | Khu vực từ chuyền EE14 đến chuyền EE27 xưởng 5 | 1,14 | | 0,052 | |
| 32. | Khu vực may băng chuyền (từ chuyền EE30 đến chuyền EE41) xưởng 5 | 0,87 | | 0,041 | |
| 33. | Khu vực từ chuyền EE28 đến chuyền EE46 xưởng 5 | 1,06 | | 0,037 | |
| **Khu vực lò hơi** | | | | | |
| 34. | Đầu khu vực lò hơi | 1,41 | | 0,058 | |
| 35. | Giữa khu vực lò hơi | 1,62 | | 0,067 | |
| 36. | Cuối khu vực lò hơi | 1,14 | | 0,051 | |
| **Tổng số** | | **36** | **00** | **36** | **00** |
| **QCVN 02:2019/BYT** | | **8** | | **4** | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10 Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 0919494933
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

## 3. HƠI KHÍ ĐỘC:

| STT | VỊ TRÍ LẤY MẪU | $SO_2$ (mg/m³) | | $NO_2$ (mg/m³) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| **Lô KI-1** | | | | | |
| 1. | Kho bao bì | 0,120 | | 0,078 | |
| 2. | Khu vực thêu | 0,089 | | 0,076 | |
| 3. | Khu vực đầu xưởng 1 | 0,131 | | 0,081 | |
| 4. | Khu vực giữa xưởng 1 | 0,142 | | 0,075 | |
| 5. | Khu vực cuối xưởng 1 | 0,097 | | 0,079 | |
| 6. | Khu vực ép nhãn 1 | 0,096 | | 0,083 | |
| 7. | Khu vực đầu xưởng 2 | 0,107 | | 0,074 | |
| 8. | Khu vực giữa xưởng 2 | 0,102 | | 0,079 | |
| 9. | Khu vực cuối xưởng 2 | 0,089 | | 0,083 | |
| 10. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 2 | 0,084 | | 0,078 | |
| 11. | Khu vực đầu xưởng 3 | 0,091 | | 0,076 | |
| 12. | Khu vực giữa xưởng 3 | 0,088 | | 0,072 | |
| 13. | Khu vực cuối xưởng 3 | 0,104 | | 0,072 | |
| 14. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 3 | 0,086 | | 0,078 | |
| 15. | Khu vực phòng cắt lazer | 0,084 | | 0,079 | |
| 16. | Khu vực bàn kiểm phẩm (QC) | 0,095 | | 0,077 | |
| **Lô KI-2** | | | | | |
| 17. | Khu vực cắt xưởng 5 | 0,120 | | 0,078 | |
| 18. | Kho nguyên phụ liệu xưởng 5 | 0,095 | | 0,081 | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | VỊ TRÍ LẤY MẪU | $SO_2$ (mg/m$^3$) | | $NO_2$ (mg/m$^3$) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| 19. | Kho bao bì xưởng 5 | 0,086 | | 0,079 | |
| 20. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 5 | 0,082 | | 0,072 | |
| 21. | Khu vực thêu xưởng 5 | 0,081 | | 0,078 | |
| 22. | Khu vực may mẫu xưởng 5 | 0,093 | | 0,081 | |
| 23. | Khu vực từ chuyền EE01 đến chuyền EE13 xưởng 5 | 0,081 | | 0,076 | |
| 24. | Khu vực từ chuyền EE14 đến chuyền EE27 xưởng 5 | 0,089 | | 0,084 | |
| 25. | Khu vực may băng chuyền (từ chuyền EE30 đến chuyền EE41) xưởng 5 | 0,116 | | 0,079 | |
| 26. | Khu vực từ chuyền EE28 đến chuyền EE46 xưởng 5 | 0,081 | | 0,076 | |
| **Khu vực lò hơi** | | | | | |
| 27. | Đầu khu vực lò hơi | 0,134 | | 0,081 | |
| 28. | Giữa khu vực lò hơi | 0,142 | | 0,086 | |
| 29. | Cuối khu vực lò hơi | 0,097 | | 0,083 | |
| **Tổng số** | | **29** | **00** | **29** | **00** |
| **QCVN 03:2019/BYT** | | **5** | | **5** | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 0919494959
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cncdanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | VỊ TRÍ LẤY MẪU | $CO_2$ ($mg/m^3$) | | CO ($mg/m^3$) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| **Lô KI-1** | | | | | |
| 1. | Kho bao bì | 357 | | 5,87 | |
| 2. | Khu vực thêu | 415 | | 6,12 | |
| 3. | Khu vực đầu xưởng 1 | 438 | | 5,90 | |
| 4. | Khu vực giữa xưởng 1 | 572 | | 6,45 | |
| 5. | Khu vực cuối xưởng 1 | 619 | | 6,72 | |
| 6. | Khu vực ép nhãn 1 | 427 | | 5,93 | |
| 7. | Khu vực đầu xưởng 2 | 618 | | 5,47 | |
| 8. | Khu vực giữa xưởng 2 | 582 | | 6,72 | |
| 9. | Khu vực cuối xưởng 2 | 673 | | 5,98 | |
| 10. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 2 | 491 | | 5,67 | |
| 11. | Khu vực QC | 563 | | 6,12 | |
| 12. | Khu vực đầu xưởng 3 | 592 | | 6,39 | |
| 13. | Khu vực giữa xưởng 3 | 617 | | 5,75 | |
| 14. | Khu vực cuối xưởng 3 | 620 | | 6,09 | |
| 15. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 3 | 598 | | 6,16 | |
| 16. | Khu vực phòng cắt lazer | 587 | | 6,84 | |
| **Lô KI-2** | | | | | |
| 17. | Khu vực cắt xưởng 5 | 591 | | 5,93 | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | VỊ TRÍ LẤY MẪU | $CO_2$ ($mg/m^3$) | | CO ($mg/m^3$) | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Mẫu đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | Mẫu không đạt |
| 18. | Kho nguyên phụ liệu xưởng 5 | 612 | | 6,72 | |
| 19. | Kho bao bì xưởng 5 | 608 | | 6,28 | |
| 20. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 5 | 473 | | 6,35 | |
| 21. | Khu vực thêu xưởng 5 | 527 | | 6,49 | |
| 22. | Khu vực may mẫu xưởng 5 | 681 | | 5,98 | |
| 23. | Khu vực từ chuyền EE01 đến chuyền EE13 xưởng 5 | 604 | | 5,63 | |
| 24. | Khu vực từ chuyền EE14 đến chuyền EE27 xưởng 5 | 578 | | 6,37 | |
| 25. | Khu vực may băng chuyền (từ chuyền EE30 đến chuyền EE41) xưởng 5 | 590 | | 6,19 | |
| 26. | Khu vực từ chuyền EE28 đến chuyền EE46 xưởng 5 | 572 | | 6,72 | |
| **Khu vực lò hơi** | | | | | |
| 27. | Đầu khu vực lò hơi | 715 | | 7,81 | |
| 28. | Giữa khu vực lò hơi | 794 | | 7,96 | |
| 29. | Cuối khu vực lò hơi | 672 | | 7,42 | |
| **Tổng số** | | **29** | **00** | **29** | **00** |
| **QCVN 03:2019/BYT** | | **9.000** | | **20** | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

## 4. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ECGONOMY VỊ TRÍ LAO ĐỘNG

### 4.1. Chiều cao bề mặt làm việc (thông số 1); Khoảng cách nhìn từ mắt đến vật (thông số 2) ; Góc nhìn (°) (thông số 3).

#### 4.1.1. Tư thế đứng

| Giới hạn cho phép (tham chiếu QĐ 3733/2002/BYT) | | Loại công việc | Chiều cao bề mặt làm việc (cm) | | Khoảng cách nhìn từ mắt đến vật ( cm) | | Góc nhìn (°) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | -Nhẹ: 86-99<br>-Trung bình: 78 – 91<br>-Nặng: 72-85 | | 25-35 | | -Ngã về phía sau ≤ 15 °<br>-Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt |
| 1. | Khu vực thêu | Trung bình | 90 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 2. | Khu vực QC | Trung bình | 91 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 3. | Khu vực kho bao bì xưởng 5 | Trung bình | 85 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 4. | Khu vực kho nguyên liệu xưởng 5 | Trung bình | 85 | | 32 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 5. | Khu vực cắt xưởng 5 | Trung bình | 80 | | 25 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 6. | Khu vực thêu xưởng 5 | Trung bình | 85 | | 27 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 7. | Khu vực cắt lazer | Trung bình | 90 | | 32 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

### 4.1.2. Tư thế ngồi

| Giới hạn cho phép (tham chiếu QĐ 3733/2002/BYT) | | Loại công việc | Chiều cao bề mặt làm việc (cm) | | Khoảng cách nhìn từ mắt đến vật (cm) | | Góc nhìn (°) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | 25-35 | | -Ngã về phía sau ≤ 15 ° | |
| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | | -Chính xác cao: 70-83<br>-Chính xác: 64- 77<br>-Công việc nhẹ không đòi hỏi chính xác cao: 59-72 | | | | -Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| | | | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt |
| 1. | Khu vực đầu xưởng 1 | Chính xác | 76 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 2. | Khu vực giữa xưởng 1 | Chính xác | 78 | | 27 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 3. | Khu vực cuối xưởng 1 | Chính xác | 75 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 4. | Khu vực ép nhãn xưởng 1 | Chính xác | 70 | | 25 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 5. | Khu vực cuối xưởng 2 | Chính xác | 76 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 6. | Khu vực giữa xưởng 2 | Chính xác | 74 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 7. | Khu vực đầu xưởng 2 | Công Chính xác | 75 | | 25 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 8. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 2 | Chính xác | 80 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 9. | Khu vực cuối xưởng 3 | Chính xác | 78 | | 35 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| Giới hạn cho phép (tham chiếu QĐ 3733/2002/BYT) | | Loại công việc | Chiều cao bề mặt làm việc (cm) | | Khoảng cách nhìn từ mắt đến vật (cm) | | Góc nhìn (°) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | 25-35 | | -Ngã về phía sau ≤ 15 ° | |
| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | | -Chính xác cao: 70-83<br>-Chính xác: 64- 77<br>-Công việc nhẹ không đòi hỏi chính xác cao: 59-72 | | | | -Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| | | | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt |
| 10. | Khu vực giữa xưởng 3 | Chính xác | 75 | | 25 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 11. | Khu vực đầu xưởng 3 | Chính xác | 80 | | 35 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 12. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 5 | Chính xác | 74 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 13. | Khu vực may mẫu xưởng 5 | Chính xác | 75 | | 25 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 14. | Khu vực chuyền EE01 đến chuyền EE13 xưởng 5 | Chính xác | 80 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 15. | Khu vực từ chuyền EE14 đến chuyền EE27 xưởng 5 | Chính xác | 78 | | 35 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 16. | Khu vực may băng chuyền (từ chuyền EE30 đến chuyền EE41) xưởng 5 | Chính xác | 75 | | 30 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 17. | Khu vực chuyền EE28 đến chuyền EE46 xưởng 5 | Chính xác | 74 | | 33 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 18. | Khu vực kho nguyên phụ liệu | Chính xác | 70 | | 24 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |
| 19. | Khu vực kho bao bì | Chính xác | 72 | | 26 | | Cúi về phía trước ≤ 45 ° | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

### 4.2. Không gian để chân (thông số 4)

#### 4.2.1. Tư thế đứng

| Giới hạn cho phép (tham chiếu QĐ 3733/2002/BYT) | | Chiều sâu cho bàn chân | | Chiều cao cho bàn chân | | Khoảng không tự do phía sau công nhân | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ≥ 15 cm | | ≥ 15 cm | | ≥ 90 cm | |
| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt |
| 1. | Khu vực thêu | 20 | | 20 | | 100 | |
| 2. | Khu vực QC | 24 | | 25 | | 90 | |
| 3. | Khu vực kho bao bì xưởng 5 | 25 | | 20 | | 95 | |
| 4. | Khu vực kho nguyên liệu xưởng 5 | 20 | | 26 | | 100 | |
| 5. | Khu vực cắt xưởng 5 | 24 | | 30 | | 95 | |
| 6. | Khu vực thêu xưởng 5 | 22 | | 30 | | 110 | |
| 7. | Khu vực cắt lazer | 26 | | 24 | | 100 | |

#### 4.2.2. Tư thế ngồi

| Giới hạn cho phép (tham chiếu QĐ 3733/2002/BYT) | | Chiều rộng | | Chiều sâu tại mức đầu gối | | Chiều sâu tại mức sàn | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ≥60 | | ≥45 | | ≥65 | |
| STT | VỊ TRÍ QUAN TRẮC | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt |
| 1. | Khu vực đầu xưởng 1 | 65 | | 50 | | 70 | |
| 2. | Khu vực giữa xưởng 1 | 75 | | 65 | | 75 | |
| 3. | Khu vực cuối xưởng 1 | 65 | | 55 | | 75 | |
| 4. | Khu vực ép nhãn xưởng 1 | 70 | | 55 | | 75 | |
| 5 | Khu vực cuối xưởng 2 | 80 | | 64 | | 65 | |
| 6. | Khu vực giữa xưởng 2 | 72 | | 50 | | 70 | |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 0919949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0915949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| Giới hạn cho phép (tham chiếu QĐ 3733/2002/BYT) | | Chiều rộng | | Chiều sâu tại mức đầu gối | | Chiều sâu tại mức sàn | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ≥60 | | ≥45 | | ≥65 | |
| **STT** | **VỊ TRÍ QUAN TRẮC** | **Số mẫu đạt** | **Số mẫu không đạt** | **Số mẫu đạt** | **Số mẫu không đạt** | **Số mẫu đạt** | **Số mẫu không đạt** |
| 7. | Khu vực đầu xưởng 2 | 75 | | 50 | | 75 | |
| 8. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 2 | 80 | | 70 | | 65 | |
| 9. | Khu vực cuối xưởng 3 | 85 | | 60 | | 70 | |
| 10. | Khu vực giữa xưởng 3 | 70 | | 65 | | 70 | |
| 11. | Khu vực đầu xưởng 3 | 78 | | 56 | | 65 | |
| 12. | Khu vực nhồi lông vũ xưởng 5 | 75 | | 65 | | 65 | |
| 13. | Khu vực may mẫu xưởng 5 | 65 | | 55 | | 75 | |
| 14. | Khu vực chuyền EE01 đến chuyền EE13 xưởng 5 | 65 | | 65 | | 74 | |
| 15. | Khu vực từ chuyền EE14 đến chuyền EE27 xưởng 5 | 75 | | 60 | | 70 | |
| 16. | Khu vực may băng chuyền (từ chuyền EE30 đến chuyền EE41) xưởng 5 | 60 | | 55 | | 70 | |
| 17. | Khu vực chuyền EE28 đến chuyền EE46 xưởng 5 | 68 | | 55 | | 70 | |
| 18. | Khu vực kho nguyên phụ liệu | 75 | | 70 | | 75 | |
| 19. | Khu vực kho bao bì | 65 | | 50 | | 70 | |

**Nhận xét:** Qua khảo sát và đánh gía Ecgonomi tại 15 vị trí làm việc ở tư thế đứng và tư thế ngồi về các thông số chiều cao bề mặt làm việc; khoảng cách nhìn từ mắt đến vật; góc nhìn; không gian để chân đều cho kết quả phù hợp so với tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo quyết định 3733/2002/QĐ-BYT.



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

**4.3 Đánh giá nhanh tư thế lao động bằng phương pháp OWAS**

| STT | Công việc | Nhóm hoặc loại tư thế | Mức độ căng thẳng | Mức độ cấp bách |
|---|---|---|---|---|
| **Lô KI - 1** | | | | |
| 1 | Công nhân khu vực cắt<br>Huỳnh Thị Nhung | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 2 | Công nhân khu vực kho<br>Lê Minh Cảnh | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 3 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ<br>Huỳnh Thị Nga | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 4 | Công nhân bộ phận QC<br>Nguyễn Thị Thùy Linh | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 5 | Công nhân khu thêu<br>Lương Trọng Nhân | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 6 | Công nhân khu vực cắt lazer<br>Trần Thị Thúy An | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 7 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Nguyễn Thị Thúy Ái | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 8 | Công nhân khu vực may<br>Nguyễn Thị Kim Loan | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 9 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Phan Thị Thúy Hằng | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 10 | Công nhân bộ phận may băng chuyền<br>Nguyễn Phương Hồng | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 11 | Công nhân khu vực ép nhiệt<br>Nguyễn Thị Thúy Duy | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 12 | Công nhân khu vực lò hơi<br>Hồ Minh Thảo | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| **Lô KI - 2** | | | | |
| 13 | Công nhân khu vực cắt<br>Trần Thị Thùy Linh | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 14 | Công nhân khu vực kho<br>Nguyễn Thị Kim Quy | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 15 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ<br>Trương Thị Phi | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 16 | Công nhân bộ phận QC<br>Phạm Thị Thúy An | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | Công việc | Nhóm hoặc loại tư thế | Mức độ căng thẳng | Mức độ cấp bách |
|---|---|---|---|---|
| 17 | Công nhân khu thêu<br>Phạm Thị Trúc Mai | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 18 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Trần Văn Tùng | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 19 | Công nhân khu vực may<br>Trương Thị Mỹ Tiên | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 20 | Công nhân khu vực may băng chuyền<br>Trần Thị Thu Hà | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 21 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Tô Thị Bích Vân | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |
| 22 | Công nhân khu vực ép nhiệt<br>Nguyễn Thị Diễm Mi | 1 | Các tư thế như vậy không có hại | Không cần biện pháp đặc biệt nào |

### 4.4 Đánh giá căng thẳng thần kinh tâm lý

#### 4.4.1 Đánh giá gánh nặng lao động do đặc điểm yêu cầu công việc

| STT | Công việc | Gánh nặng lao động do đặc điểm yêu cầu công việc | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Gánh nặng trí tuệ | Gánh nặng giác quan | Gánh nặng cảm xúc |
| **Lô KI - 1** | | | | |
| 1 | Công nhân khu vực cắt<br>Huỳnh Thị Nhung | 1 | 2 | 2 |
| 2 | Công nhân khu vực kho<br>Lê Minh Cảnh | 2 | 3 | 2 |
| 3 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ<br>Huỳnh Thị Nga | 2 | 1 | 2 |
| 4 | Công nhân bộ phận QC<br>Nguyễn Thị Thùy Linh | 2 | 3 | 2 |
| 5 | Công nhân khu thêu<br>Lương Trọng Nhân | 2 | 2 | 2 |
| 6 | Công nhân khu vực cắt lazer<br>Trần Thị Thúy An | 2 | 3 | 2 |
| 7 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Nguyễn Thị Thúy Ái | 2 | 2 | 2 |
| 8 | Công nhân khu vực may<br>Nguyễn Thị Kim Loan | 1 | 2 | 3 |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | Công việc | Gánh nặng lao động do đặc điểm yêu cầu công việc | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Gánh nặng trí tuệ | Gánh nặng giác quan | Gánh nặng cảm xúc |
| 9 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Phan Thị Thúy Hằng | 1 | 2 | 2 |
| 10 | Công nhân bộ phận may băng chuyền<br>Nguyễn Phương Hồng | 2 | 1 | 2 |
| 11 | Công nhân khu vực ép nhiệt<br>Nguyễn Thị Thúy Duy | 1 | 2 | 2 |
| 12 | Công nhân khu vực lò hơi<br>Hồ Minh Thảo | 2 | 2 | 3 |
| **Lô KI - 2** | | | | |
| 13 | Công nhân khu vực cắt<br>Trần Thị Thùy Linh | 2 | 3 | 2 |
| 14 | Công nhân khu vực kho<br>Nguyễn Thị Kim Quy | 2 | 2 | 2 |
| 15 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ<br>Trương Thị Phi | 2 | 3 | 2 |
| 16 | Công nhân bộ phận QC<br>Phạm Thị Thúy An | 2 | 3 | 2 |
| 17 | Công nhân khu thêu<br>Phạm Thị Trúc Mai | 2 | 1 | 2 |
| 18 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Trần Văn Tùng | 1 | 2 | 2 |
| 19 | Công nhân khu vực may<br>Trương Thị Mỹ Tiên | 2 | 3 | 2 |
| 20 | Công nhân khu vực may băng chuyền<br>Trần Thị Thu Hà | 2 | 1 | 2 |
| 21 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Tô Thị Bích Vân | 1 | 2 | 2 |
| 22 | Công nhân khu vực ép nhiệt<br>Nguyễn Thị Diễm Mi | 2 | 3 | 2 |

**Các mức xếp loại:**

- Mức 1: mức tối ưu
- Mức 2: mức cho phép
- Mức 3 và mức 4: mức độc hại

**Nhận xét:**

- Gánh nặng trí tuệ: Các vị trí có kết quả xếp loại hầu hết ở mức 2 và mức 1 – mức cho phép và mức tối ưu
- Gánh nặng giác quan: Các vị trí khu vực QC xưởng 1 và khu vực cắt xưởng 2 có kết quả xếp loại ở mức 3 – mức độc hại do tính chất công việc phải quan sát nhiều. Các công việc còn lại hầu hết có kết quả phân loại ở mức 2 và mức 1 – mức cho phép và mức tối ưu.



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 0919494939
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

– Gánh nặng cảm xúc: Các vị trí khu vực may xưởng 1, xưởng 2 và xưởng 7 có mức phân loại ở mức 4 – mức độc hại vì công việc có yêu cầu tập trung cao. Các công việc còn lại hầu hết có kết quả phân loại ở mức 2 và mức 1 – mức cho phép và mức tối ưu.

**4.4.2 Thời gian tập trung chú ý (% so với thời gian ca)**

| STT | Công việc | Thời gian tập trung chú ý | |
|---|---|---|---|
| | | % so với thời gian ca | Kết quả xếp loại |
| **Lô KI - 1** | | | |
| 1 | Công nhân khu vực cắt<br>Huỳnh Thị Nhung | 51 – 75% | 3 |
| 2 | Công nhân khu vực kho<br>Lê Minh Cảnh | 26 – 50% | 2 |
| 3 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ<br>Huỳnh Thị Nga | 26 – 50% | 2 |
| 4 | Công nhân bộ phận QC<br>Nguyễn Thị Thùy Linh | 51 – 75% | 3 |
| 5 | Công nhân khu thêu<br>Lương Trọng Nhân | 26 – 50% | 2 |
| 6 | Công nhân khu vực cắt lazer<br>Trần Thị Thúy An | 51 – 75% | 3 |
| 7 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Nguyễn Thị Thúy Ái | 26 – 50% | 2 |
| 8 | Công nhân khu vực may<br>Nguyễn Thị Kim Loan | 26 – 50% | 2 |
| 9 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Phan Thị Thúy Hằng | 26 – 50% | 2 |
| 10 | Công nhân bộ phận may băng chuyền<br>Nguyễn Phương Hồng | 51 – 75% | 3 |
| 11 | Công nhân khu vực ép nhiệt<br>Nguyễn Thị Thúy Duy | 26 – 50% | 2 |
| 12 | Công nhân khu vực lò hơi<br>Hồ Minh Thảo | 26 – 50% | 2 |
| **Lô KI - 2** | | | |
| 13 | Công nhân khu vực cắt<br>Trần Thị Thùy Linh | 26 – 50% | 2 |
| 14 | Công nhân khu vực kho<br>Nguyễn Thị Kim Quy | 26 – 50% | 2 |
| 15 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ<br>Trương Thị Phi | 51 – 75% | 3 |
| 16 | Công nhân bộ phận QC<br>Phạm Thị Thúy An | 26 – 50% | 2 |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| | | | |
|---|---|---|---|
| 17 | Công nhân khu thêu<br>Phạm Thị Trúc Mai | 26 – 50% | 2 |
| 18 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Trần Văn Tùng | 26 – 50% | 2 |
| 19 | Công nhân khu vực may<br>Trương Thị Mỹ Tiên | 26 – 50% | 2 |
| 20 | Công nhân khu vực may băng chuyền<br>Trần Thị Thu Hà | 26 – 50% | 2 |
| 21 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Tô Thị Bích Vân | 51 – 75% | 3 |
| 22 | Công nhân khu vực ép nhiệt<br>Nguyễn Thị Diễm Mi | 26 – 50% | 2 |

**Các mức xếp loại:**

- Mức 1: mức tối ưu
- Mức 2: mức cho phép
- Mức 3 và mức 4: mức độc hại

**Nhận xét:** Hầu hết các vị trí đều có kết quả đánh giá xếp loại ở mức 2 – mức cho phép, Có các vị trí khu vực cắt xưởng 1, xưởng 2 và xưởng 7, khu vực QC xưởng 2 và xưởng 6 mức 3 – mức độc hại vì yêu cầu công việc phải tập trung cao.

### 4.5 Đánh giá gánh nặng lao động thể lực

#### 4.5.1 Đánh giá nhịp tim

| STT | Công việc | Tần số tim trước lao động (nhịp/phút) | Tần số tim trong lao động (nhịp/phút) | Chỉ số nhịp tim tăng (*) (nhịp/phút) | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|
| **Lô KI - 1** | | | | | |
| 1 | Công nhân khu vực cắt<br>Huỳnh Thị Nhung | 71 | 72 | 3 | I |
| 2 | Công nhân khu vực kho<br>Lê Minh Cảnh | 70 | 73 | 3 | I |
| 3 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ<br>Huỳnh Thị Nga | 78 | 82 | 4 | I |
| 4 | Công nhân bộ phận QC<br>Nguyễn Thị Thùy Linh | 70 | 73 | 3 | I |
| 5 | Công nhân khu thêu<br>Lương Trọng Nhân | 76 | 79 | 3 | I |
| 6 | Công nhân khu vực cắt lazer<br>Trần Thị Thúy An | 70 | 73 | 3 | I |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Nguyễn Thị Thúy Ái | 71 | 75 | 4 | **I** |
| 8 | Công nhân khu vực may<br>Nguyễn Thị Kim Loan | 73 | 77 | 4 | **I** |
| 9 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Phan Thị Thúy Hằng | 74 | 80 | 6 | **I** |
| 10 | Công nhân bộ phận may băng chuyền<br>Nguyễn Phương Hồng | 70 | 73 | 3 | **I** |
| 11 | Công nhân khu vực ép nhiệt<br>Nguyễn Thị Thúy Duy | 70 | 75 | 4 | **I** |
| 12 | Công nhân khu vực lò hơi<br>Hồ Minh Thảo | 75 | 79 | 4 | **I** |
| **Lô KI - 2** | | | | | |
| 13 | Công nhân khu vực cắt<br>Trần Thị Thùy Linh | 75 | 80 | 4 | **I** |
| 14 | Công nhân khu vực kho<br>Nguyễn Thị Kim Quy | 70 | 73 | 3 | **I** |
| 15 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ<br>Trương Thị Phi | 76 | 79 | 3 | **I** |
| 16 | Công nhân bộ phận QC<br>Phạm Thị Thúy An | 78 | 82 | 4 | **I** |
| 17 | Công nhân khu thêu<br>Phạm Thị Trúc Mai | 70 | 73 | 3 | **I** |
| 18 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Trần Văn Tùng | 70 | 75 | 4 | **I** |
| 19 | Công nhân khu vực may<br>Trương Thị Mỹ Tiên | 72 | 74 | 4 | **I** |
| 20 | Công nhân khu vực may băng chuyền<br>Trần Thị Thu Hà | 70 | 73 | 3 | **I** |
| 21 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Tô Thị Bích Vân | 71 | 75 | 4 | **I** |
| 22 | Công nhân khu vực ép nhiệt<br>Nguyễn Thị Diễm Mi | 73 | 80 | 4 | **I** |

**Nhận xét:** Tất cả người lao động tại các vị trí có chỉ số nhịp tim tăng thuộc nhóm I – mức bình thường



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

### 4.5.2 Đánh giá huyết áp

#### 4.5.2.1 Trước lao động

| STT | Công việc | Huyếp áp tâm thu (mmHg) | Huyết áp tâm trương (mmHg) | Hiệu số huyết áp (mmHg) | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|
| **Lô KI - 1** | | | | | |
| 1 | Công nhân khu vực cắt Huỳnh Thị Nhung | 112 | 76 | 36 | I |
| 2 | Công nhân khu vực kho Lê Minh Cảnh | 110 | 80 | 35 | I |
| 3 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ Huỳnh Thị Nga | 115 | 84 | 31 | I |
| 4 | Công nhân bộ phận QC Nguyễn Thị Thùy Linh | 117 | 79 | 38 | I |
| 5 | Công nhân khu thêu Lương Trọng Nhân | 114 | 76 | 38 | I |
| 6 | Công nhân khu vực cắt lazer Trần Thị Thúy An | 120 | 84 | 36 | I |
| 7 | Công nhân bộ phận đóng gói Nguyễn Thị Thúy Ái | 117 | 82 | 35 | I |
| 8 | Công nhân khu vực may Nguyễn Thị Kim Loan | 119 | 81 | 38 | I |
| 9 | Công nhân khu vực may mẫu Phan Thị Thúy Hằng | 116 | 75 | 41 | II |
| 10 | Công nhân bộ phận may băng chuyền Nguyễn Phương Hồng | 113 | 77 | 36 | I |
| 11 | Công nhân khu vực ép nhiệt Nguyễn Thị Thúy Duy | 115 | 80 | 35 | I |
| 12 | Công nhân khu vực lò hơi Hồ Minh Thảo | 115 | 76 | 39 | I |
| **Lô KI - 1** | | | | | |
| 13 | Công nhân khu vực cắt Trần Thị Thùy Linh | 118 | 765 | 40 | I |
| 14 | Công nhân khu vực kho Nguyễn Thị Kim Quy | 120 | 84 | 36 | I |
| 15 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ Trương Thị Phi | 117 | 80 | 35 | I |
| 16 | Công nhân bộ phận QC Phạm Thị Thúy An | 112 | 75 | 36 | I |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 0919494539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | Công việc | Huyếp áp tâm thu (mmHg) | Huyết áp tâm trương (mmHg) | Hiệu số huyết áp (mmHg) | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|
| 17 | Công nhân khu thêu<br>Phạm Thị Trúc Mai | 113 | 81 | 38 | I |
| 18 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Trần Văn Tùng | 1164 | 76 | 40 | I |
| 19 | Công nhân khu vực may<br>Trương Thị Mỹ Tiên | 110 | 77 | 37 | I |
| 20 | Công nhân khu vực may băng chuyền<br>Trần Thị Thu Hà | 115 | 78 | 34 | I |
| 21 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Tô Thị Bích Vân | 110 | 75 | 34 | I |
| 22 | Công nhân khu vực ép nhiệt<br>Nguyễn Thị Diễm Mi | 114 | 72 | 36 | I |

**4.5.2.2 Trong lao động**

| STT | Công việc | Huyếp áp tâm thu (mmHg) | Huyết áp tâm trương (mmHg) | Hiệu số huyết áp (mmHg) | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|
| **Lô KI - 1** | | | | | |
| 1 | Công nhân khu vực cắt<br>Huỳnh Thị Nhung | 117 | 78 | 35 | I |
| 2 | Công nhân khu vực kho<br>Lê Minh Cảnh | 116 | 80 | 36 | I |
| 3 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ<br>Huỳnh Thị Nga | 120 | 79 | 41 | II |
| 4 | Công nhân bộ phận QC<br>Nguyễn Thị Thùy Linh | 118 | 76 | 42 | II |
| 5 | Công nhân khu thêu<br>Lương Trọng Nhân | 113 | 75 | 38 | I |
| 6 | Công nhân khu vực cắt lazer<br>Trần Thị Thúy An | 119 | 78 | 41 | II |
| 7 | Công nhân bộ phận đóng gói<br>Nguyễn Thị Thúy Ái | 120 | 81 | 39 | I |
| 8 | Công nhân khu vực may<br>Nguyễn Thị Kim Loan | 118 | 73 | 47 | II |
| 9 | Công nhân khu vực may mẫu<br>Phan Thị Thúy Hằng | 123 | 82 | 41 | II |
| 10 | Công nhân bộ phận may băng chuyền | 120 | 82 | 37 | I |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

| STT | Công việc | Huyếp áp tâm thu (mmHg) | Huyết áp tâm trương (mmHg) | Hiệu số huyết áp (mmHg) | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|
| | Nguyễn Phương Hồng | | | | |
| 11 | Công nhân khu vực ép nhiệt Nguyễn Thị Thúy Duy | 119 | 84 | 42 | II |
| 12 | Công nhân khu vực lò hơi Hồ Minh Thảo | 116 | 80 | 36 | I |
| **Lô KI - 1** | | | | | |
| 13 | Công nhân khu vực cắt Trần Thị Thùy Linh | 120 | 79 | 40 | I |
| 14 | Công nhân khu vực kho Nguyễn Thị Kim Quy | 115 | 81 | 32 | I |
| 15 | Công nhân khu vực nhồi lông vũ Trương Thị Phi | 110 | 73 | 45 | II |
| 16 | Công nhân bộ phận QC Phạm Thị Thúy An | 120 | 80 | 41 | II |
| 17 | Công nhân khu thêu Phạm Thị Trúc Mai | 116 | 82 | 36 | I |
| 18 | Công nhân bộ phận đóng gói Trần Văn Tùng | 117 | 75 | 39 | I |
| 19 | Công nhân khu vực may Trương Thị Mỹ Tiên | 120 | 81 | 38 | I |
| 20 | Công nhân khu vực may băng chuyền Trần Thị Thu Hà | 114 | 76 | 45 | II |
| 21 | Công nhân khu vực may mẫu Tô Thị Bích Vân | 121 | 82 | 42 | II |
| 22 | Công nhân khu vực ép nhiệt Nguyễn Thị Diễm Mi | 117 | 81 | 38 | I |

**Các mức xếp loại:** Nhóm I: Huyết áp hiệu số: ≤ 40 (mmHg)

Nhóm II: Huyết áp hiệu số: 41 - 45 (mmHg)

Nhóm III: Huyết áp hiệu số: 46 - 50 (mmHg)

Nhóm IV: Huyết áp hiệu số: 51 - 55 (mmHg)

Nhóm V: Huyết áp hiệu số: 56 - 60 (mmHg)

Nhóm VI: Huyết áp hiệu số: ≥ 61 (mmHg)

**Nhận xét:** Nhìn chung, người lao động tại các vị trí có huyết áp tâm thu trong khi lao động cao hơn huyết áp tâm thu trước khi lao động, huyết áp tâm trương thì không thay đổi nhiều. Vì vậy dẫn đến huyết áp hiệu số trong lao động cao hơn huyết áp hiệu số trước lao động.



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

| TT | Yếu tố quan trắc, kiểm tra | Tổng số mẫu | Số mẫu đạt | Số mẫu không đạt |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nhiệt độ | 36 | 36 | 0 |
| 2 | Độ ẩm | 36 | 36 | 0 |
| 3 | Tốc độ gió | 36 | 36 | 0 |
| 4 | Ánh sáng | 36 | 36 | 0 |
| 5 | Tiếng ồn | 36 | 36 | 0 |
| 6 | Bụi tổng | 36 | 36 | 0 |
| 7 | Bụi hô hấp | 36 | 36 | 0 |
| 8 | Hơi khí độc | | | |
| | $SO_2$ | 29 | 29 | 0 |
| | $NO_2$ | 29 | 29 | 0 |
| | CO | 29 | 29 | 0 |
| | $CO_2$ | 29 | 29 | 0 |
| 9 | Ecgonomi | | | |
| | Chiều cao bề mặt làm việc (thông số 1) | 26 | 26 | 0 |
| | Khoảng cách nhìn từ mắt tới vật (thông số 2) | 26 | 26 | 0 |
| | Thông số góc nhìn (thông số 3) | 26 | 26 | 0 |
| | Không gian để chân (thông số 4) | 26 | 26 | 0 |
| | Đánh giá tư thế lao động bằng phương pháp OWAS | 22 | 22 | 0 |
| | **Đánh giá gánh nặng lao động thể lực** | | | |
| | - Đánh giá nhịp tim | 22 | 22 | 0 |
| | - Đánh giá huyết áp | 22 | 22 | 0 |
| | **Đánh giá căng thẳng thần kinh tâm lý** | | | |
| | - Đánh giá gánh nặng lao động do đặc điểm yêu cầu công việc | 22 | 22 | 0 |
| | - Thời gian tập trung chú ý (% so với thời gian ca) | 22 | 22 | 0 |
| | **Tổng cộng** | **582** | **582** | 0 |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

**V. NHẬN XÉT:**

Tại thời điểm kiểm tra, **CÔNG TY TNHH QUẢNG VIỆT TIỀN GIANG** đang hoạt động sản xuất bình thường.

**1. Nhiệt độ**:

- Tại thời điểm kiểm tra, nhiệt độ tại các vị trí công nhân làm việc đều đảm bảo đều đảm bảo QCVN 26:2016/BYT.

**2. Độ ẩm**:

- Tại thời điểm kiểm tra, độ ẩm quan trắc tại các vị trí công nhân làm việc đều đảm bảo QCVN 26:2016/BYT.

**3. Tốc độ gió:**

- Tại thời điểm kiểm tra, tốc độ gió quan trắc tại các vị trí công nhân làm việc đều đảm bảo QCVN 26:2016/BYT.

**4. Ánh sáng:**

- Tại thời điểm kiểm tra, cường độ chiếu sáng tại các vị trí công nhân làm việc việc đều đảm bảo QCVN 22:2016/BYT.

**5. Tiếng ồn:**

- Tại thời điểm kiểm tra, tiếng ồn tại các vị trí công nhân làm việc việc đều đảm bảo đảm bảo QCVN 24:2016/BYT.

**6. Bụi:**

- Tại thời điểm kiểm tra, nồng độ bụi tại các vị trí công nhân làm việc đều đảm bảo QCVN 02:2019/BYT.

**7. Hơi khí độc:**

- Tại thời điểm kiểm tra, tại các vị trí công nhân làm việc đều nằm trong ngưỡng giới hạn QCVN 03:2019/BYT.

**8. Ecgonomy:**

- Qua khảo sát và đánh giá Ecgonomi tại 23 vị trí làm việc ở tư thế đứng và tư thế ngồi về các thông số chiều cao bề mặt làm việc; khoảng cách nhìn từ mắt đến vật; góc nhìn; không gian để chân đều cho kết quả phù hợp so với tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo quyết định 3733/2002/QĐ-BYT



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 0919949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

## VI. KHUYẾN NGHỊ:

1. Cần duy trì vệ sinh, lau chùi, kiểm tra hệ thống bóng đèn chiếu sáng tại các khu vực sản xuất và làm việc.
2. Cần duy trì bảo dưỡng, bảo trì tốt các thiết bị máy móc để giảm tiếng ồn khi thiết bị máy móc hoạt động.
3. Cần duy trì công tác khám sức khoẻ định kỳ cho công nhân viên và công tác quan trắc môi trường lao động định kỳ để đảm bảo an toàn sức khoẻ cho người lao động.

***Tại các vị trí quan trắc các yếu tố có hại không đạt giới hạn cho phép (nếu có) đề nghị đơn vị có trách nhiệm xem xét các khuyến nghị để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và giải quyết các chế độ theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.***

TP.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2024

| Người chịu trách nhiệm về chuyên môn | TỔNG GIÁM ĐỐC |
|---|---|
| VÕ THỊ TÚ TRINH | LÝ NGUYỄN KHÁNH NGỌC |



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, P.10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Hotline: 09194949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công An, Yên Xá, Tân Triều, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn